

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Nhà máy Chế biến lâm sản xuất khẩu tại xã Dân Lực và thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Triệu Thái Sơn.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;*

*Căn cứ Thông tư số 25/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu tại xã Dân Lực và thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Triệu Thái Sơn tại Thông báo kết quả thẩm định số 2508/STNMT-BVMT ngày 21/4/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 123/CV-TTS ngày 19/5/2020 của Công ty TNHH Triệu Thái Sơn;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 476/Tr-STNMT ngày 22/5/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Nhà máy Chế biến lâm sản xuất khẩu tại xã Dân Lực và thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Triệu Thái Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Dân Lực và thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn, Giám đốc Công ty TNHH Triệu Thái Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Quyền**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu tại xã Dân Lực**  
**và thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa**  
**của Công ty TNHH Triệu Thái Sơn.**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020  
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**1. Thông tin chung dự án:**

Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu tại xã Dân Lực và thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Triệu Thái Sơn

+ Người đại diện: Ông Phạm Đình Thắng

+ Chức vụ: Giám đốc.

+ Địa chỉ trụ sở chính: xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

+ Điện thoại: 02373.867.274

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

+ Nhà máy hoạt động với công suất thiết kế 25.000 m<sup>3</sup> ván gỗ ép/năm.

+ Các hạng mục công trình của Nhà máy: 03 xưởng sản xuất (tổng diện tích xây dựng 21214,6 m<sup>2</sup>); 01 bãi đỗ vật liệu (diện tích xây dựng 3.102,2 m<sup>2</sup>); 02 nhà làm việc; 01 nhà nghỉ ca công nhân; 01 nhà ăn ca; các hạng mục công trình phụ trợ khác: nhà bảo vệ, nhà tắm, nhà vệ sinh, nhà vệ sinh chung,...; các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: khu xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn,...

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án**

**2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:**

- *Nước mưa chảy tràn:* Lưu lượng phát sinh ngày lớn nhất khoảng 30.000,8 m<sup>3</sup>/ngày đêm, thành phần chủ yếu chứa nhiều bùn đất, cát, rác thải,...

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh từ hoạt động vệ sinh của công nhân làm việc trong Nhà máy với lưu lượng 16,7 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: cặn bã, chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng và vi sinh vật.

- *Nước thải sản xuất:* Phát sinh chủ yếu từ quá trình xử lý khí thải từ lò hơi nước và lò dầu tải nhiệt với lưu lượng 5,0 m<sup>3</sup>/ngày; ngoài ra, định kỳ 6 tháng/lần lượng nước thải thau rửa nồi hơi phát sinh khoảng 1m<sup>3</sup>/lần. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng.

**2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy chủ yếu từ hoạt động sản xuất (bóc gỗ, chà gỗ, cắt cạnh, sấy gỗ, quay keo, ép nhiệt...), hoạt động của lò hơi nước và lò dầu tải nhiệt, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm, hoạt động nấu ăn, hoạt động của máy phát điện dự phòng,... Thành phần các chất ô nhiễm gồm: CO; NO<sub>x</sub>; SO<sub>2</sub>; Bụi; CH<sub>2</sub>O...

**2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn:**

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại Nhà máy với khối lượng khoảng 86,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất hữu cơ, giấy, bìa cát tông, giẻ vụn, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- *Chất thải rắn sản xuất*: Phát sinh chủ yếu từ công đoạn bóc gỗ, cắt cạnh, chà gỗ, tro xỉ lò hơi và lò dầu, công đoạn bao gói sản phẩm gồm: vỏ gỗ, gỗ bóc loại, cạnh gỗ thừa sau cắt, mặt gỗ sau chà nhẵn khoảng 5m<sup>3</sup>/ngày; Tro phát sinh từ lò hơi và lò dầu tải nhiệt với khối lượng 1.164,8kg/ngày; dây buộc, bìa lót, túi... khoảng 1kg/ngày.

#### **2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:**

Chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động của Nhà máy có khối lượng khoảng 2,0 kg/tháng; chất thải lỏng nguy hại phát sinh khoảng 16,3 lít/tháng. Thành phần chủ yếu là pin, bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu mỡ, dầu thải,...

### **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

#### **3.1. Về thu gom và xử lý nước thải**

##### **\* Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn**

Nước mưa chảy tràn trên mái và trong khuôn viên Nhà máy được thu gom bằng đường ống riêng sau đó dẫn vào hệ thống mương thu gom nước mặt xung quanh các nhà, xưởng với tổng chiều dài khoảng L = 825 m, kích thước: rộng 0,4m x sâu 0,6m, nắp đáy bằng tấm đan bê tông; trên hệ thống mương rãnh thoát nước mưa có bố trí hố ga lắng chặn trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

##### **\* Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

- Nước thải sản xuất: Nước thải từ quá trình xử lý bụi và khí thải lò hơi và lò dầu tải nhiệt được thu gom và dẫn về 01 bể lắng có thể tích 4,0m<sup>3</sup> để lắng chặn (thời gian lưu nước 2h) trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực; Bùn chặn được hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom và dẫn về 05 bể tự hoại 3 ngăn với tổng dung tích 100m<sup>3</sup> để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về hệ thống XLNT tập trung, công suất 20,0 m<sup>3</sup>/ngày đêm của Nhà máy; Nước thải nhà ăn được thu gom và dẫn về bể tách dầu mỡ có thể tích 3,0m<sup>3</sup> để xử lý sơ bộ trước khi dẫn vào hệ thống XLNT tập trung.

Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy, công suất 20,0 m<sup>3</sup>/ngày đêm cụ thể như sau:

Nước thải (sau bể tự hoại, sau bể tách dầu mỡ) → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → kênh Nam

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra kênh Nam.

#### **3.2. Về bụi, khí thải**

- Tại các công đoạn gia công như: cắt cạnh, chà thô, chà bóng bố trí các đầu hút bụi. Công ty trang bị đầu hút đặt dọc lưới cửa và thiết bị chà gỗ của các máy trong dây chuyền sản xuất. Bụi gỗ từ các chụp hút được các quạt hút có công suất 1,5kw hút qua đường ống nhựa mềm đường kính 90mm về 02 hệ thống lọc bụi túi vải, trước khi thải ra môi trường qua ống thoát khí.

- Tại các nhà xưởng sản xuất: Lắp đặt 09 quạt hút công nghiệp công suất 0,25KW, lưu lượng gió 15.000 m<sup>3</sup>/h giúp lưu thông gió, giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong nhà xưởng.

- Khí thải phát sinh từ lò hơi nước được thu gom về cụm 04 Xyclon đường kính D800, chiều cao 2,5m để tách bụi và sau đó dẫn về bể nước rửa khí (dung tích 3m<sup>3</sup>) trước khi thải ra môi trường qua ống khói cao 18m.

- Khí thải phát sinh từ lò dầu tải nhiệt được thu gom, xử lý trong hệ thống tháp khử bụi ướt kích thước 2mx2m, chiều cao 1,5m để tách bụi trước khi thải ra môi trường qua ống khói cao 13,5m; bụi lắng được xả thải ra ngoài bể lắng thu hồi làm phân bón.

### **3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:**

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Tại khu vực nhà làm việc, nhà ở công nhân và bên ngoài khu vực xưởng sản xuất bố trí 4 thùng nhựa loại 20 lít/thùng. Tại khu vực nhà ăn, nhà bếp bố trí 25 sọt đựng rác loại 5 lít/thùng (01 sọt đựng rác/bàn) và 02 thùng nhựa đựng thức ăn thừa loại 50 lít/thùng đặt tại khu vực bếp nấu. Rác thải như thức ăn thừa cho người làm thức ăn chăn nuôi; chất thải rắn khác được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý hàng ngày theo quy định.

- *Chất thải rắn sản xuất:*

+ Vỏ gỗ, gỗ bóc loại, cạnh gỗ thừa sau cắt, mặt gỗ,... được thu gom, tận dụng làm nguyên liệu đốt lò hơi nước, lò dầu tải nhiệt; dây buộc, bìa lót, túi... được thu gom, xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt.

+ Tro phát sinh từ lò hơi và lò dầu tải nhiệt thu gom và đóng vào các bao tải được lưu trữ tại góc phía Tây Nam của Nhà xưởng số 3.

### **3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:**

- Sử dụng 02 thùng chứa (01 thùng dung tích 120 lit chứa chất thải rắn nguy hại, 01 thùng dung tích 200 lit chứa chất thải lỏng nguy hại) có nắp đậy, dán nhãn mác theo đúng quy định đặt tại kho chứa CTNH diện tích 10 m<sup>2</sup> ở góc Đông Bắc Nhà xưởng số 1.

- Định kỳ 6 tháng/lần, Công ty Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

### **3.5. Biện pháp giảm thiểu tác động do các sự cố:**

\* *Biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do sự cố cháy nổ:*

- Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy cho khu vực nhà văn phòng, nhà xưởng như: trụ nước cứu hỏa; hệ thống báo cháy tự động; bình chữa cháy, lăng vòi chữa cháy, lối thoát hiểm,...

- Xây dựng nội quy an toàn sử dụng điện, nội quy phòng chống cháy nổ treo tại khu vực nhà xưởng, kho chứa, nhà ăn... và phổ biến đến từng cán bộ, công nhân nhà máy.

- Trong khu vực kho xăng dầu phải lắp đặt phương tiện phòng cháy chữa cháy như hệ thống báo cháy tự động, bình cứu hỏa cầm tay, bể cát chữa cháy,...

- Phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC gần nhất để tập huấn công tác PCCC cho toàn thể cán bộ, công nhân nhà máy, định kỳ tiến hành tập huấn về PCCC.

- Thành lập đội PCCC cơ sở có đủ lực lượng để duy trì và tăng cường công tác thường trực, phát hiện cháy, nổ.

*\* Biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do sự cố lò hơi nước, lò dầu tải nhiệt:*

- Treo bảng nội quy, quy định về an toàn trong quá trình vận hành lò; ghi chú các sự cố có thể xảy ra và phương pháp xử lý tại khu vực đặt nồi hơi và lò dầu tải nhiệt.

- Trước khi vận hành lò cần phải kiểm tra tình trạng các loại máy móc, thiết bị của lò như: loại van, bơm tay hoặc bơm điện, hệ thống đường ống,...., đảm bảo hoạt động được mới cho khởi động lò;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống lò hơi nước và lò dầu tải nhiệt; khi xảy ra sự cố cần dừng ngay quá trình hoạt động để sửa chữa, khắc phục.

#### **4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:**

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

##### **4.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí**

*- Vị trí, chỉ tiêu giám sát:*

+ 01 vị trí tại khu vực khu vực quay keo; các chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CH<sub>2</sub>O.

+ 01 vị trí tại khu vực xử lý nước thải; các chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, bụi, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S.

+ 01 vị trí tại thân ống khói lò hơi nước; các chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

+ 01 vị trí tại thân ống khói lò dầu tải nhiệt; các chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

*- Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- + QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- + QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

#### **4.2. Giám sát chất lượng nước thải:**

- *Vị trí giám sát:* 01 mẫu nước thải sinh hoạt sau bể khử trùng trước khi thải ra môi trường.

- *Chỉ tiêu giám sát nước thải sinh hoạt:* pH; TSS; BOD<sub>5</sub>; NO<sub>3</sub><sup>-</sup>/N; NH<sub>4</sub><sup>+</sup>/N; dầu mỡ động, thực vật; Coliform.

- *Quy chuẩn áp dụng:* QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt./.